

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 563/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2022	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	18,775,000,000	4,296,544,339	22.88
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	235,000,000	292,061,100	124.28
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	10,688,000,000	204,483,239	1.91
3	Thu bổ sung	7,852,000,000	3,800,000,000	48.4
	- Bổ sung cân đối ngân sách	7,852,000,000	1,800,000,000	22.92
	- Bổ sung có mục tiêu		2,000,000,000	
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	18,775,000,000	4,851,771,421	25.84
1	Chi đầu tư phát triển	10,000,000,000	2,376,191,000	23.76
2	Chi thường xuyên	8,590,400,000	2,475,580,421	28.82
3	Dự phòng	184,600,000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 563/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)

Đơn vị : đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Ước thực hiện quý III/2022		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng số thu	18,775,000,000	18,775,000,000	4,296,544,339	4,296,544,339	22.88	22.88
I	Các khoản thu 100%	235,000,000	235,000,000	292,061,100	292,061,100	124.28	124.28
1	Phí, lệ phí	65,000,000	65,000,000	115,382,000	115,382,000	177.51	177.51
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	170,000,000	170,000,000	173,429,100	173,429,100	102.02	102.02
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			3,250,000	3,250,000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10,688,000,000	10,688,000,000	204,483,239	204,483,239	1.91	1.91
1	Các khoản thu phân chia	122,000,000	122,000,000	32,535,238	32,535,238	26.67	26.67
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24,000,000	24,000,000				
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8,000,000	8,000,000				
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	90,000,000	90,000,000	32,535,238	32,535,238	36.15	36.15
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10,566,000,000	10,566,000,000	171,948,001	171,948,001	1.63	1.63
	Thu điều tiết khác	530,000,000	530,000,000				
2.1	Thu tiền sử dụng đất	10,000,000,000	10,000,000,000	166,500,000	166,500,000	1.67	1.67
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	24,000,000	24,000,000	4,532,801	4,532,801	18.89	18.89

2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	12,000,000	12,000,000	915,200	915,200	7.63	7.63
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn						
VI	Thu bổ sung	7,852,000,000	7,852,000,000	3,800,000,000	3,800,000,000	48.4	48.4
1	Thu bổ sung cân đối	7,852,000,000	7,852,000,000	1,800,000,000	1,800,000,000	22.92	22.92
2	Thu bổ sung có mục tiêu			2,000,000,000	2,000,000,000		

U.S. 115/CK TC-NS

(Kèm theo QĐ số 563/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của UBND xã Chí Minh)

Đơn vị: đồng

[illegible]